TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 6- 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm
Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tỉnh. Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2021/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐHPT- HNGĐ ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ; Sinh năm 1979. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Trương Văn N; Sinh năm 1974. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Xóm 9, xã Q, huyện T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai Nguyên đơn là chị Phạm Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đ và anh Trương Văn N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/2000 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống. Tháng 11/2021 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 11/2021 đến nay. Nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

- Cháu Trương Văn T, sinh ngày 25/9/2001

- Cháu Trương Thị Hồng N, sinh ngày 08/10/2003

- Cháu Trương Thị Thu P, sinh ngày 14/01/2007.

Hiện nay cháu T và cháu N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trương Thị Thu P, sinh ngày 14/01/2007 và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Trương Văn N vắng mặt và tại Biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 07/12/2021 anh N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N và chị Đ kết hôn do tự nguyện tìm hiểu. Kết hôn và tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/2000 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh T. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã Q, huyện T, tỉnh T. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Vợ chồng đôi khi có mâu thuẫn do tôi quá chén và chởi bới vợ nhưng không đến mức trầm trọng. Tôi đi làm ăn xa ở nhà cô Đ tự ý lấy sổ đỏ của vợ chồng thế chấp để vay tiền ngân hàng nhưng không báo cho tôi biết, dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ tháng 11/2021 đến nay. Anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

- Cháu Trương Văn T, sinh ngày 25/9/2001

- Cháu Trương Thị Hồng N, sinh ngày 08/10/2003

- Cháu Trương Thị Thu P, sinh ngày 14/01/2007.

Nguyện vọng của anh N: Hiện nay cháu T và cháu N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trương Thị Thu P, sinh ngày 14/01/2007 và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của con chung là cháu Trương Thị Thu P trình bày: Cháu là Trương Thị Thu P, sinh ngày 14/01/2007. Hiện nay cháu đang học lớp 9 trường THCS Q, huyện T, tỉnh T. Nay bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu ở với mẹ.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227; Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Điều 271; Điều 273; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51; Khoản 1 điều 56, điều 57, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH; Đề nghị HĐXX: Xét xử vắng mặt Bị đơn; Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Đ và anh Trương Văn N; Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Thị Thu P, sinh ngày 14/01/2007cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh Trương Văn N không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trương Văn N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Buộc Nguyên đơn phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Phạm Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn là anh Trương Văn N có địa chỉ: Xóm 9, xã Q, huyện T, tỉnh T nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trương Văn N đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ nơi cư trú. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Trương Văn N và tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh N. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 và vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Đ và anh Trương Văn N là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được 04 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 11/2021 đến nay. Chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương thì tình trạng hôn nhân của anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Chị Đ vẫn ở xóm 9, xã Q còn anh N đi đâu địa phương cũng không rõ địa chỉ. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù anh N

không đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng khi Tòa án tiến hành các thủ tục để hòa giải đoàn tụ thì anh N đều vắng mặt. Tại Biên bản ghi lời khai anh N cũng công nhận vợ chồng đã ly thân và cắt đứt quan hệ tình cảm từ tháng 11/2021 đến nay. Tòa án triệu tập rất nhiều lần để mở phiên hòa giải nhưng anh N đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ nơi cư trú. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và Hòa giải theo quy định pháp luật nhưng anh N vẫn không có mặt. Điều đó chứng tỏ rằng Anh N cũng không còn thiết tha gì với cuộc hôn nhân của mình. Chị Đ có đơn đề nghị không hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. HĐXX thấy rằng: Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đ yêu cầu ly hôn nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử ly hôn giữa anh chị là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trương Văn T, sinh ngày 25/9/2001; Cháu Trương Thị Hồng N, sinh ngày 08/10/2003; Cháu Trương Thị Thu P, sinh ngày 14/01/2007.

Hiện nay các con chung là cháu T và cháu N đã thành niên, chị Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị Đ thì HĐXX thấy rằng: Mặc dù anh N có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu P nhưng hiện tại anh N không có mặt tại địa phương. Hiện tại chị Đ làm nghề buôn bán nhỏ, thu nhập bình quân 15.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác con chung là cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định cuộc sống và học tập nên HĐXX chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị Đ và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. HĐXX căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung là cháu Trương Thị Thu P, sinh ngày 14/01/2007cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh Trương Văn N không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trương Văn N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

[2.3].Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tố tụng: Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trương Văn N.

2. Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Đ và anh Trương Văn N.

3. Về con chung: Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Giao con chung là cháu Trương Thị Thu P, sinh ngày 14/01/2007cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh Trương Văn N không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trương Văn N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2021/0014054 ngày 30/11/2021của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Chị Phạm Thị Đ được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Văn N được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện T
- Phòng GĐKTNV TAND tỉnh T
- Các ĐS
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh T
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng